

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|
| Ngày 28/06/2024 | 35,450 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0.9% | 4.0% | 8.3% |

| | | |
|------------|--------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 14.6% | +/- YoY ▲ 1.0% |

| | | | |
|-----------------|------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 159 | QoQ ▲ 37.0 | YoY ▲ 24.0 |
| | | ▲ 30.0% | ▲ 17.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 280 | YoY ▲ 22.0 |
| | | ▲ 8.5% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 28.4 | QoQ ▲ 7.70 | YoY ▲ 5.50 |
| | | ▲ 37.4% | ▲ 24.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

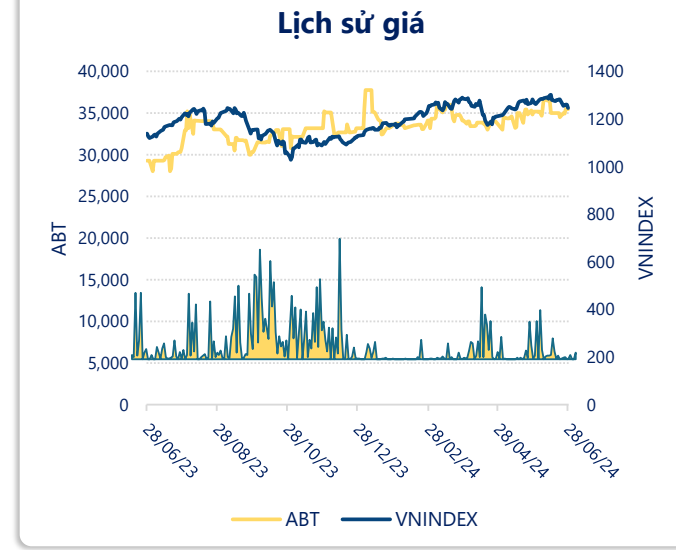
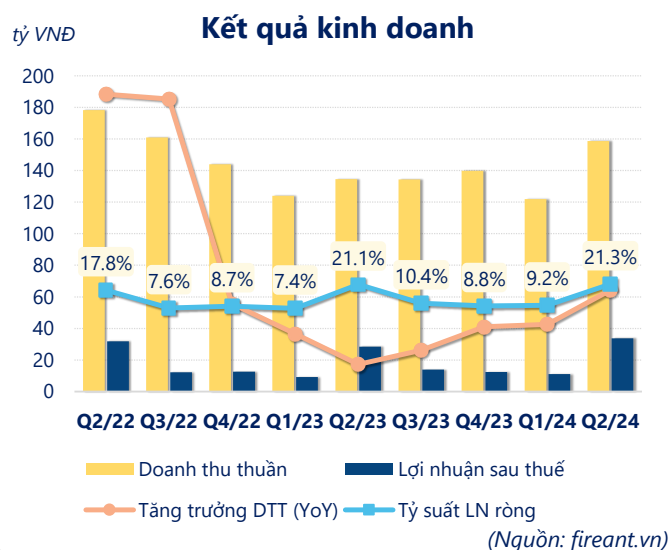
| | | |
|---------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 49.2 | YoY ▲ 5.50 |
| | | ▲ 12.6% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 37.5 | QoQ ▲ 24.8 | YoY ▲ 7.40 |
| | | ▲ 195% | ▲ 24.6% |
| | tỷ VNĐ | | |

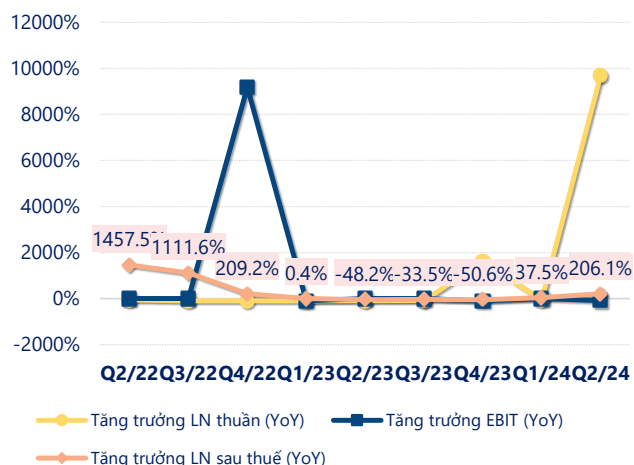
| | | |
|-----------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 50.2 | YoY ▲ 9.70 |
| | | ▲ 23.9% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 33.7 | QoQ ▲ 22.5 | YoY ▲ 5.30 |
| | | ▲ 201% | ▲ 18.7% |
| | tỷ VNĐ | | |

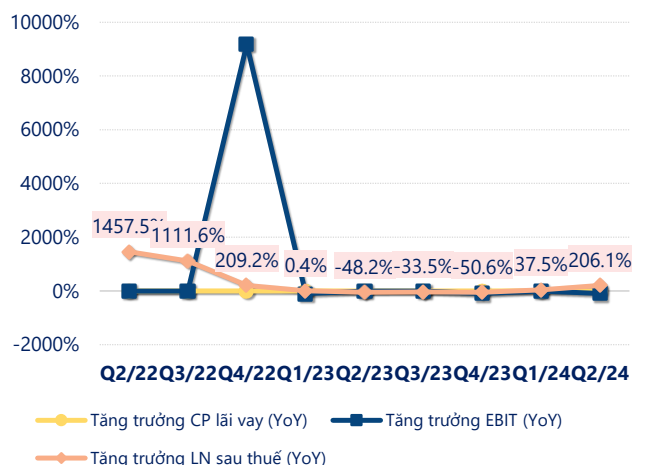
| | | |
|--------------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 44.9 | YoY ▲ 7.30 |
| | | ▲ 19.5% |
| | tỷ VNĐ | |



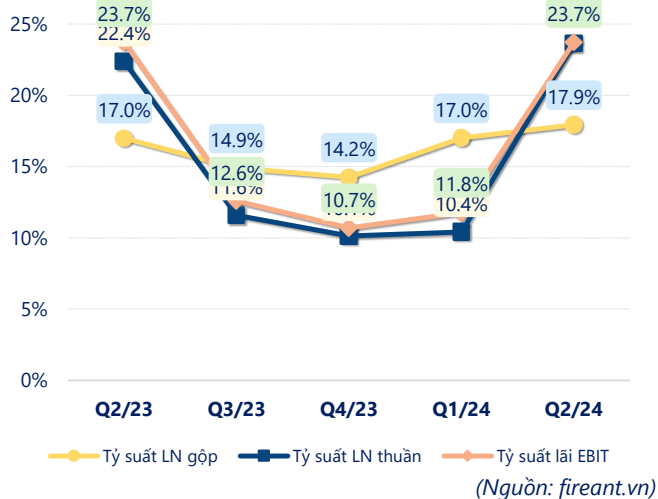
Tăng trưởng lợi nhuận



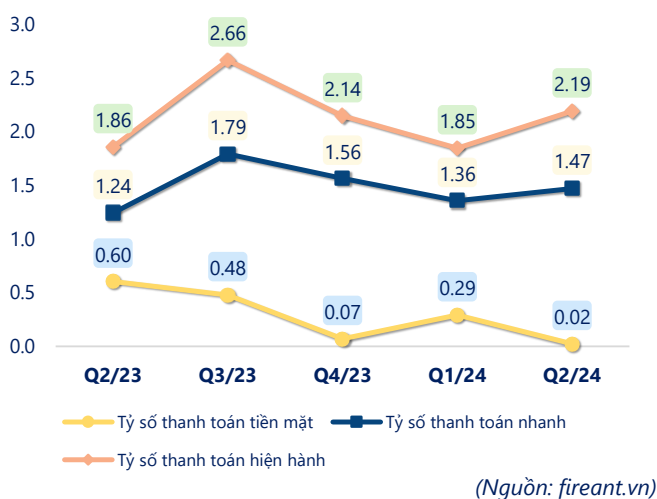
Tăng trưởng chi phí



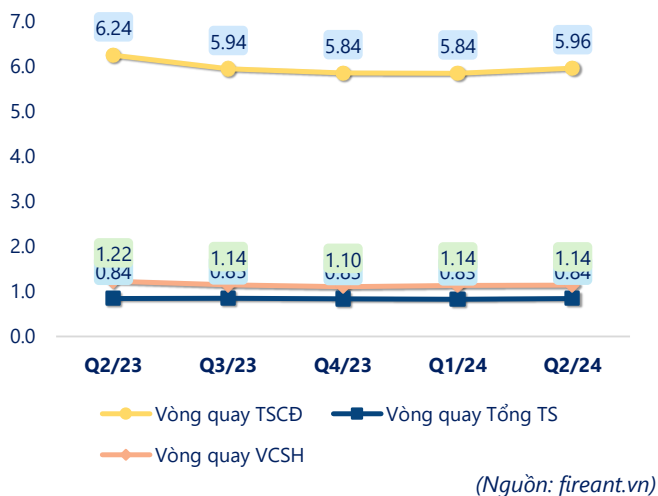
Tỷ suất lợi nhuận



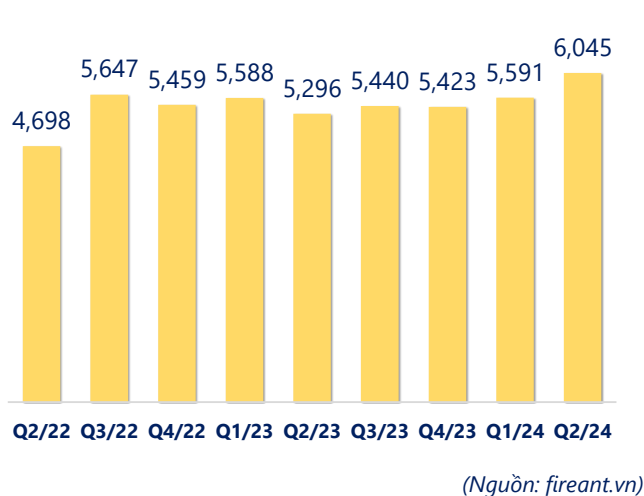
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|--------------|-----------------|-------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 159 | 135 | 17.5% | 280 | 258 | 8.5% |
| Giá vốn hàng bán | 130 | 112 | 16.2% | 231 | 215 | 7.7% |
| Lợi nhuận gộp | 28.4 | 22.9 | 24.2% | 49.2 | 43.7 | 12.6% |
| Doanh thu HĐTC | 20.1 | 19.5 | 3.2% | 24.0 | 23.3 | 3.2% |
| Chi phí TC | 0.21 | 2.86 | -92.5% | 2.09 | 5.84 | -64.2% |
| Chi phí lãi vay | 0.02 | 1.86 | -98.9% | 1.68 | 2.96 | -43.2% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 5.49 | 4.37 | 25.6% | 11.2 | 9.28 | 20.6% |
| Chi phí QLDN | 5.36 | 5.02 | 6.8% | 9.72 | 11.3 | -13.9% |
| LN thuần từ HĐKD | 37.5 | 30.1 | 24.6% | 50.2 | 40.5 | 23.9% |
| Lợi nhuận khác | 0.08 | -0.01 | 873% | 0.08 | -0.01 | 1116% |
| LN trước thuế | 37.6 | 30.1 | 24.9% | 50.3 | 40.5 | 24.1% |
| Lợi nhuận sau thuế | 33.7 | 28.4 | 18.7% | 44.9 | 37.6 | 19.5% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 33.7 | 28.4 | 18.7% | 44.9 | 37.6 | 19.5% |

(Nguồn: fireant.vn)

